



DOI:10.22144/ctu.jvn.2021.194

NGHIÊN CỨU SỰ HÀI LÒNG KHI THAM GIA HỢP TÁC XÃ CỦA NÔNG HỘ TẠI TỈNH HẬU GIANG

Khổng Tiến Dũng* và Đỗ Thị Hoài Giang

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Khổng Tiến Dũng (email: ktdung@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 30/05/2021

Ngày nhận bài sửa: 10/07/2021

Ngày duyệt đăng: 25/12/2021

Title:

Analysis of farmers' satisfaction when participating in the agricultural cooperatives in Hau Giang province

Từ khóa:

Chuỗi liên kết, hợp tác xã, nông hộ trồng lúa, sự hài lòng

Keywords:

Cooperation chain, cooperative, rice farmers, satisfaction

ABSTRACT

This study is aimed to evaluate Hau Giang province farmers' satisfaction levels when participating in the agricultural cooperatives. Primary data were collected through a direct survey of 107 rice-growing households participating in cooperatives. Research results show that farmers are satisfied when participating in cooperatives with an average score of 4.29/5 on the Likert scale. The results of exploratory factor analysis (EFA) and ordinary least squares regression show that the farmers' satisfaction is determined by four groups of factors including assurance, scale efficiency, responsibility and qualifications of the management board, improvement of income, and employment. Based on the results of this study, solutions were proposed; of which the cooperatives' role is the core, to encourage people to participate more in agricultural cooperatives through improving management skills for the management board and strengthening activities in order to provide technical support, create more jobs and increase farmer's income.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá mức độ hài lòng khi tham gia hợp tác xã (HTX) của nông hộ tại tỉnh Hậu Giang. Số liệu sơ cấp được thu thập qua khảo sát trực tiếp 107 hộ trồng lúa có tham gia HTX. Kết quả nghiên cứu cho thấy nông hộ hài lòng khi tham gia HTX với điểm trung bình là 4,29/5. Kết quả phân tích nhân tố (exploratory factor analysis - EFA) và hồi qui bội cho thấy sự hài lòng được quyết định bởi bốn nhóm nhân tố gồm sự đảm bảo, hiệu quả do qui mô, trách nhiệm và trình độ của ban quản lý, cải thiện thu nhập và việc làm. Dựa vào kết quả nghiên cứu này, một số giải pháp cải thiện hoạt động liên kết hiện nay với vai trò của HTX làm nông cốt được đề xuất. Từ đó, người dân được khuyến khích tham gia liên kết nhiều hơn thông qua việc nâng cao trình độ quản lý HTX; tăng cường các hoạt động hỗ trợ, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hậu Giang là tỉnh nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long có 140.200 ha diện tích đất nông nghiệp, chiếm 87,53% diện tích đất tự nhiên của toàn tỉnh (Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang, 2019). Với đặc thù kinh tế là nông nghiệp nên phần lớn dân cư chủ yếu sinh sống bằng nghề nông. Một trong những

liên kết quen thuộc với bà con nông dân đó chính là hợp tác xã (HTX) nông nghiệp. Theo báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hậu Giang (2021), tính đến năm 2020 toàn tỉnh Hậu Giang có hơn 200 HTX, trong đó có 175 HTX hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp. Khi tham gia HTX, nông hộ có thể nhận được những lợi thế về nhiều

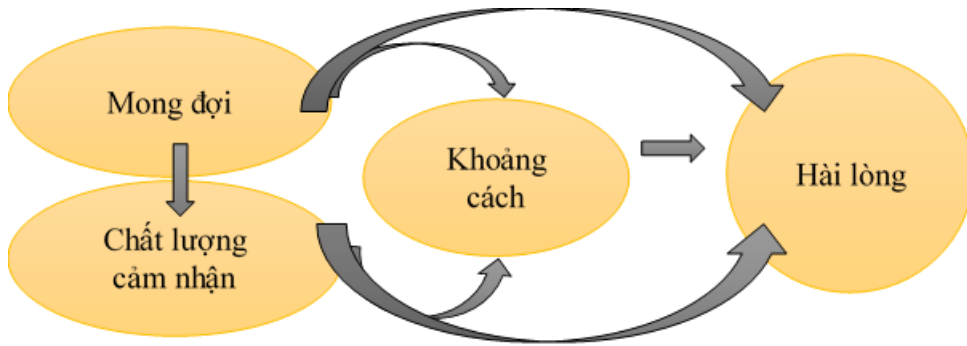
mặt. Đầu tiên là vật tư đầu vào sản xuất như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. HTX có thể nhập được với khối lượng lớn nên giá vật tư rẻ hơn và cũng đảm bảo chất lượng đồng nhất so với từng hộ mua riêng lẻ. Để theo kịp tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT), từng hộ cá thể khó có khả năng tiếp cận được với các khóa tập huấn, HTX thường là cầu nối giúp các chương trình khuyến nông, chuyên gia KHKT dễ dàng đến với nông dân. Đối với quy hoạch sản xuất, HTX đảm bảo được lợi ích lâu dài, thông qua việc xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh trước mắt và lâu dài, khả năng nắm bắt được nhu cầu thị trường, đảm bảo ổn định bao tiêu sản phẩm đầu ra. Về đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, thông qua HTX nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất như xây dựng công trình giao thông, mạng lưới điện, nhà kho, xường ché biển. Đây là những lợi thế lớn mà nếu tự sản xuất cá nhân mỗi hộ nông dân khó có thể làm được. Phần lớn nông sản ở Việt Nam đa phần đều xuất qua thị trường Trung Quốc, nhưng từ đầu năm 2020 do sự ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho hầu hết các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu sang thị trường này bị đình trệ. Bên cạnh đó, tình hình giá cả cũng lên xuống thất thường, nên nông hộ sau khi thu hoạch nông sản khó có thể bán ra thị trường; hay bán được nhưng với mức giá rất thấp. Do đó, so với những nông hộ không tham gia liên kết HTX thì những nông hộ tham gia HTX sẽ đảm bảo được đầu ra cũng như ổn định về giá cả hơn. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hậu Giang (2021), trong 5 tháng đầu năm 2020, mặc dù dịch bệnh diễn biến phức tạp nhưng Hậu Giang vẫn hỗ trợ tích cực cho lĩnh vực kinh tế tập thể phát triển, cụ thể là quỹ hỗ trợ phát triển HTX của tỉnh đã giải ngân được 5 dự án cho HTX với số tiền hơn 3,1 tỷ đồng, từ nguồn vốn đó đã giúp cho HTX được vay vốn có điều kiện mở rộng sản xuất kinh doanh, giải quyết thêm việc làm cho lao động, từ đó tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho các nông dân. Như vậy, việc khuyến khích người dân tham gia HTX nông nghiệp hiện nay là rất cần thiết.

Tuy nhiên, báo cáo tổng kết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hậu Giang (2021) đã chỉ ra những khó khăn về tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn như còn nhỏ lẻ, phân tán, mô hình liên kết phát triển chậm, thiếu tính bền vững, vai trò của HTX thực sự chưa được phát huy đúng mức, tình hình hoạt động của HTX trên địa bàn gặp rất nhiều khó khăn. Nông dân không tin tưởng vào HTX, chưa thấy rõ được sự hiệu quả hoạt động của HTX cũng như chưa thật sự hiểu rõ về mô hình HTX. Do đó, nông dân chưa mạnh dạn liên kết sản xuất tập trung

theo mô hình HTX, tổ hợp tác. Trong khi đó, việc này cần xuất phát từ chính nguyện vọng của người dân. Do đó, việc tìm hiểu mức độ hài lòng và các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân khi tham gia HTX là cần thiết, giúp tìm hiểu nguyên nhân cốt lõi khiến cho người nông dân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang chưa hoặc không tham gia. Những thông tin này sẽ giúp tìm ra những hướng giải quyết trong dài hạn để nâng cao nhận thức về liên kết, thu hút người dân tham gia HTX. Bên cạnh đó, theo số liệu thống kê, số lượng nông dân tham gia vào HTX chưa nhiều, HTX chưa tạo được động cơ khiến nông hộ sản xuất tiêu thụ trong các mô hình liên kết. Điều này là do phần lớn các HTX hoạt động đạt lợi nhuận chưa cao, các HTX hoạt động còn mang tính phong trào và hình thức (Đương Ngọc Thành và ctv., 2018). Hầu hết các HTX này có quy mô nhỏ lẻ, hoạt động thiếu định hướng về kế hoạch phát triển, thiếu tính tự quyết, tự chịu trách nhiệm trên cơ sở pháp luật. Những lý do này làm cho người dân còn e ngại chưa muốn tham gia HTX. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ hài lòng khi tham gia hợp tác xã của nông hộ, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm khuyến khích nông hộ tham gia vào hợp tác xã nông nghiệp, góp phần giúp người nông dân có thu nhập ổn định, củng cố và ngày càng phát triển hơn nữa hoạt động HTX trong thời gian tới. Trong khi đó, các nghiên cứu trước đây chỉ tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia HTX, chưa phân tích mức độ hài lòng của chính nông hộ khi tham gia HTX. Nghiên cứu này được kỳ vọng sẽ đóng góp vào các nghiên cứu hiện tại về mức độ hài lòng. Đây cũng chính là những luận cứ khoa học đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX, mở rộng quy mô và số lượng thành viên trong thời gian tới, từ đó làm cơ sở thực hiện đúng chủ trương của Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về mở rộng kinh tế tập thể trong thời gian tới lấy HTX làm nòng cốt.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Nghiên cứu này xuất phát từ mô hình phổ biến nhất và điển đạt đầy đủ thông tin về các yếu tố ảnh hưởng mức độ hài lòng của Oliver (1980) (Hình 1). Mô hình này được đồng đạo các nghiên cứu trước đây sử dụng để đánh giá mức độ hài lòng. Mô hình này cũng được sử dụng cho nhiều nhóm đối tượng nghiên cứu và khảo sát khác nhau như khách hàng, nông hộ, sinh viên, người dân, khách du lịch trong nhiều lĩnh vực khác nhau như du lịch y tế, bán hàng nhằm nắm bắt tâm lý khách du lịch, bệnh nhân hoặc người tiêu dùng phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh.



Hình 1. Mô hình sự hài lòng

Nguồn: Oliver, 1980

Dựa trên định nghĩa về tác động giữa các yếu tố như sự mong đợi, chất lượng cảm nhận và sự tương tác với yếu tố khoảng cách đến sự hài lòng nói chung, theo đó, sự hài lòng của nông hộ phụ thuộc vào sự khác biệt giữa kết quả nhận được sau khi tham gia HTX và sự kỳ vọng trước đó, nếu kết quả thực tế thấp hơn sự kỳ vọng thì nông hộ không hài lòng, nếu kết quả thực tế tương xứng hoặc cao hơn với sự kỳ vọng thì nông hộ sẽ hài lòng hoặc rất hài lòng. Những yếu tố tạo nên sự kỳ vọng của nông hộ được hình thành từ kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, hàng xóm cũng như là các thông tin được HTX cung cấp.

Sự hoạt động có hiệu quả của HTX nông nghiệp là yếu tố làm tăng sự hài lòng của nông dân khi tham gia mô hình liên kết. Một HTX hoạt động mang lại hiệu quả hội tụ nhiều yếu tố tăng sự hài lòng của nông dân khi tham gia. Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng sự hài lòng của nông dân ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như sự tin cậy, cơ sở vật chất, năng lực, thái độ, sự đồng cảm và quy trình thủ tục, sự đảm bảo, sự cảm thông và phương tiện hữu hình (Nguyễn Quốc Nghi và ctv., 2011) hoặc nghiên cứu của Nguyễn Quốc Nghi (2014) chỉ ra các biến tác động đến sự hài lòng còn gồm các đặc điểm nhân khẩu học như tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp. Tuy nhiên, nghiên cứu của Đỗ Minh Hoàng và Trần Hoài Nam (2018) lại chỉ ra 2 biến là phương tiện hữu hình và sự đáp ứng không có ảnh hưởng, mà sự hài lòng chịu ảnh hưởng bởi các biến như sự tin cậy, sự đảm bảo, sự cảm thông. Như vậy, mức độ tác động của các nhân tố có sự khác nhau, nói một cách khác, các nhân tố được sắp xếp theo thứ tự tác động khác nhau trong các nghiên cứu khác nhau về đối tượng và địa bàn nghiên cứu. Nhìn chung, mặc dù có sự tác động khác biệt, đây vẫn là các nhân tố chính dùng để đánh giá ảnh hưởng đến sự hài lòng.

Vận dụng kết quả của các nghiên cứu này, sự hài lòng của nông hộ chính là sự cảm nhận của họ đối với HTX sau khi đã sử dụng dịch vụ hoặc có hành vi tham gia. Sự hài lòng được xác định trên cơ sở so sánh giữa kết quả cảm nhận được từ dịch vụ và mong đợi của họ (Kotler, 2000). Hay nói một cách khác, chất lượng dịch vụ và sự hài lòng có quan hệ tương hỗ chặt chẽ với nhau, trong đó chất lượng dịch vụ được tạo ra trước và quyết định sự hài lòng được đo lường bằng mức độ cảm nhận (Cronin & Taylor, 1992). Mô hình phân tích trong đề tài này được dựa trên (i) mô hình gốc của Oliver (1980) về đánh giá mức độ hài lòng, (ii) Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã của Việt Nam, (iii) lược khảo tài liệu về các nghiên cứu đánh giá mức độ hài lòng trước đây, và (iv) kết hợp với thực tiễn khảo sát và phỏng vấn chuyên gia tại Chi cục Phát triển nông thôn và Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hậu Giang. Từ đó, 10 giả thuyết được đề xuất xây dựng như sau (Hình 2):

H1: Nếu có sự đảm bảo của HTX về các hoạt động sản xuất và tiêu thụ, nông hộ sẽ hài lòng khi tham gia mô hình liên kết.

H2: Nếu có sự cảm thông của ban chủ nhiệm HTX đối với nông dân, mức độ hài lòng của nông dân càng cao.

H3: Nếu HTX nắm bắt và đáp ứng những nhu cầu của nông dân, sự hài lòng của nông dân khi tham gia HTX sẽ tăng lên.

H4: Nếu có sự tin cậy của nông dân đối với HTX, mức độ hài lòng càng lớn.

H5: Nếu HTX có quy mô càng lớn, thì mức độ hài lòng của nông dân càng cao.

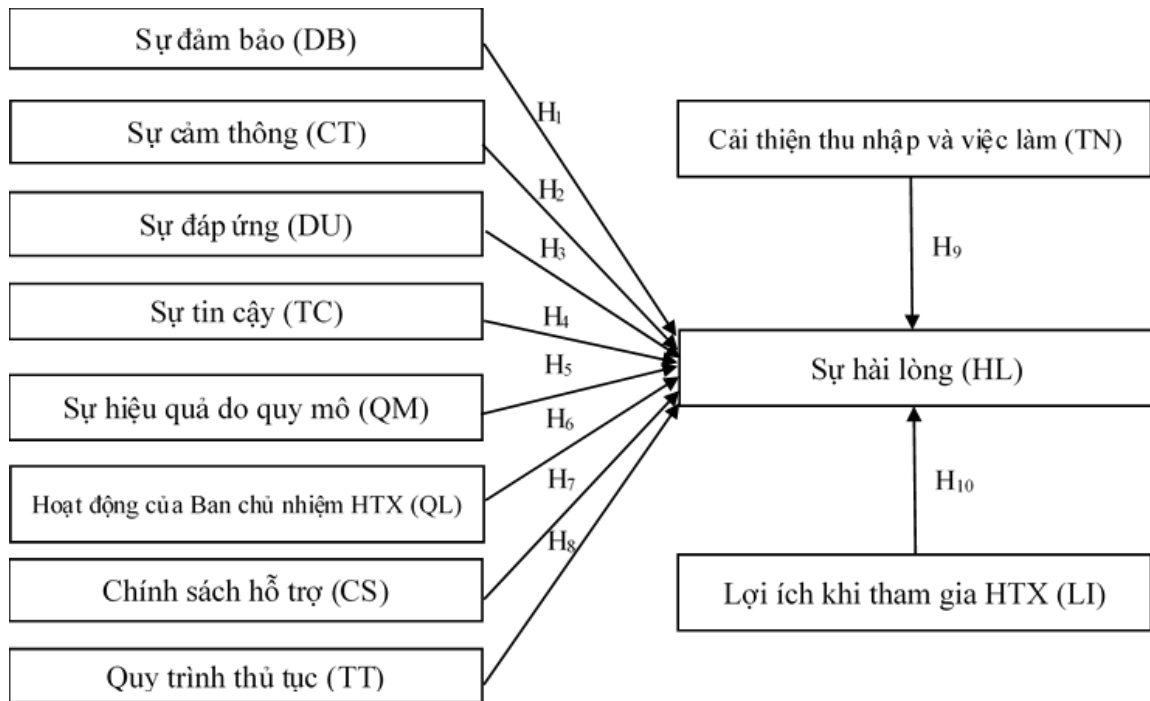
H6: Nếu trình độ của ban chủ nhiệm HTX càng cao, mức độ hài lòng của nông dân càng tăng.

H7: Nếu nông dân được giới thiệu nhiều việc làm hơn khi tham gia HTX, mức độ hài lòng càng tăng.

H8: Nếu HTX được quan tâm hỗ trợ của nhà nước, mức độ hài lòng của nông hộ khi tham gia mô hình liên kết HTX sẽ tăng.

H9: Nếu các quy trình thủ tục có liên quan khi tham gia HTX được giảm bớt, mức độ hài lòng của nông hộ sẽ tăng lên.

H10: Nếu cảm nhận về lợi ích đạt được của nông dân khi tham gia HTX càng nhiều, mức độ hài lòng của họ càng cao.



Hình 2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên lý thuyết liên quan đến các tiêu chí đánh giá HTX theo Luật HTX số 23/2012/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2012, Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã của Việt Nam, và Nghị định số 43-CP về Điều lệ mẫu Hợp tác xã nông nghiệp, ngày 29 tháng 04 năm 1997 tập trung vào các nhóm yếu tố liên quan đến sự đảm bảo, sự đáp ứng, sự tin cậy. Bên cạnh đó, việc lược khảo tài liệu những nghiên cứu trước đây đã xác định các nhóm nhân tố đánh giá khác như những lợi ích về kinh tế, các khía cạnh xã hội, tính gắn kết cộng đồng và yếu tố môi trường; đánh giá tiềm lực, nhân lực, hoạt động của HTX và các chỉ tiêu có liên quan đến vấn đề liên kết. Ngoài

ra, các kỳ vọng của nông hộ về thu nhập, việc làm, hỗ trợ khoa học kỹ thuật và chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp cũng được thu thập và đánh giá (Bảng 1). Kết hợp những thông tin trên và thảo luận với chuyên gia từ Chi cục phát triển Nông thôn và Liên minh HTX Hậu Giang đã cho ra được 10 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng chung của nông hộ hình thành mô hình nghiên cứu. Thang đo Likert được sử dụng để đo lường mức độ hài lòng của nông hộ bằng 5 mức độ: từ 1 (hoàn toàn không hài lòng/hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (rất hài lòng/hoàn toàn đồng ý). Bản câu hỏi được chia làm 2 phần chính: phần 1 là các thông tin tổng quan về người được phỏng vấn và đặc điểm của nông hộ và phần 2 gồm các chỉ tiêu đánh giá mức độ hài lòng của nông hộ.

Bảng 1. Nội dung các biến trong mô hình đo lường mức độ hài lòng của nông dân

1. SỰ ĐẢM BẢO		6. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỦ NHIỆM HTX	
ĐB1	HTX đảm bảo kỹ thuật áp dụng chi dẫn rõ ràng, đầy đủ	QL1	Cán bộ quản lý rất có trách nhiệm với nông dân
ĐB2	HTX đảm bảo về sự ổn định giá đầu ra khi có sự biến động của thị trường	QL2	Cán bộ quản lý thường xuyên học hỏi nâng cao trình độ
ĐB3	HTX đảm bảo cung cấp đầu vào tốt hơn để phục vụ hoạt động sản xuất	QL3	Cán bộ quản lý luôn lắng nghe ý kiến
ĐB4	HTX đảm bảo sẽ có đội ngũ hỗ trợ về mặt kỹ thuật trong quá trình sản xuất	QL4	Cán bộ quản lý sẽ cung cấp báo cáo thu chi đầy đủ khi có yêu cầu
ĐB5	Hiệu quả kinh tế của mô hình được HTX chỉ dẫn tốt hơn mô hình tự sản xuất của nông dân	QL5	Cán bộ quản lý phân chia lợi nhuận rất công bằng
2. SỰ CẢM THÔNG		7. CẢI THIỆN THU NHẬP VÀ VIỆC LÀM	
CT1	HTX luôn thể hiện sự quan tâm đến việc sản xuất và đời sống của nông dân	TN1	Được giới thiệu và hỗ trợ việc làm
CT2	HTX gần gũi, thân thiện với nông dân	TN2	Tăng thu nhập cho bản thân
CT3	HTX thông cảm với những khó khăn trong sản xuất của nông dân	TN3	Tăng thu nhập cho các thành viên trong gia đình
CT4	HTX luôn nắm bắt nhu cầu của nông dân	TN4	Tăng cơ hội việc làm và thu nhập cho phụ nữ trong gia đình
3. SỰ ĐÁP ỨNG		8. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC	
DU1	HTX luôn sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của nông dân một cách tích cực	CS1	Nhà nước hỗ trợ vay vốn
DU2	HTX hằng hái cung cấp các dịch vụ và cơ sở liên kết thu mua nông sản	CS2	Nhận nhiều ưu đãi từ Nhà nước
DU3	Khả năng giải quyết vấn đề nhanh chóng khi xảy ra sai sót	CS3	Hỗ trợ thuê đất đai
4. SỰ TIN CẬY		CS4	Cung cấp thông tin thị trường trong và ngoài nước
TC1	Tin cậy các nông dân trong HTX mà mình đang tham gia	9. QUY TRÌNH THỦ TỤC	
TC2	Tin cậy ban quản lý HTX mà mình đang tham gia	TT1	Quy trình ký kết hợp đồng thu mua nông sản của doanh nghiệp HTX đơn giản
TC3	Được các thành viên HTX giúp đỡ khi gặp khó khăn	TT2	Phương thức thanh toán nhanh gọn
TC4	Khi HTX gặp khó khăn thì mọi nông dân HTX tham gia cùng giải quyết	TT3	Thời gian thanh toán đúng thỏa thuận
TC5	Tin tưởng sẽ lớn mạnh hơn trong tương lai	10. LỢI ÍCH NÔNG DÂN KHI THAM GIA HTX	
TC6	Được nhận hỗ trợ của các tác nhân trong chuỗi khi có vấn đề liên quan	LI1	Thu nhập tăng thêm
5. HIỆU QUẢ DO QUY MÔ		LI2	Phát triển thêm nhiều kiến thức chuyên môn cho nông dân
QM1	HTX sẽ hoạt động hiệu quả hơn là tự sản xuất tiêu thụ cá nhân	LI3	Tiết kiệm được chi phí sản xuất thông qua việc mua vật tư và dịch vụ từ HTX
QM2	HTX sẽ hoạt động tốt hơn do huy động được công sức của nhiều người	LI4	Tiếp cận kỹ thuật sản xuất mới
QM3	HTX có thể huy động được nhiều vốn	LI5	Được cung cấp giống lúa chất lượng
MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CHUNG VỀ HTX		LI6	Tiếp cận các nguồn vốn tín dụng với chi phí thấp hơn thông qua HTX
HL1	Đánh giá chung về mức độ hài lòng (Thang đo Likert 5 mức độ: 1 - rất không hài lòng khi tham gia HTX, 5 - rất hài lòng khi tham gia HTX)	LI7	Bán được lúa dễ dàng hơn
		LI8	Khả năng tiêu thụ lúa với giá cả tốt hơn
		LI9	Được tập huấn kỹ thuật sản xuất lúa

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của nông hộ đối với HTX trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Nghiên cứu được thực hiện tại bốn huyện Châu Thành, Châu Thành A, Vị Thủy và Phụng Hiệp tại tỉnh Hậu Giang do ở đây có các mô hình liên kết đang được triển khai và có diện tích trồng lúa lớn so với các huyện khác trong tỉnh. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có điều kiện được sử dụng với số lượng điều tra gồm 107 quan sát là nông hộ có tham gia HTX. Như vậy, số liệu được thu thập và phân tích sẽ có độ tin cậy cao và có thể suy rộng ra cho tổng thể ở Hậu Giang. Tuy nhiên, giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài chỉ tính toán dựa trên nhận xét từ phía nông hộ và tham khảo phỏng vấn chuyên gia (KIP) cấp tỉnh và huyện, do đó, kết quả của nghiên cứu có thể chưa khái quát toàn diện các chỉ tiêu đánh giá định lượng khác về các HTX trong tỉnh Hậu Giang.

Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng với các chỉ tiêu gồm số trung bình, độ lệch chuẩn, số lớn nhất và nhỏ nhất nhằm mô tả mức độ hài lòng của nông hộ dựa trên các tiêu chí đánh giá HTX. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích nhân tố (exploratory factor analysis – EFA) được dùng để nhóm và nhận diện và đánh giá mức độ hài lòng của nông hộ. Phương pháp phân tích hồi quy được sử dụng để xác định vai trò của các nhân tố đối với sự hài lòng của nông hộ và được diễn giải trong phần mô hình nghiên cứu dưới đây.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Đánh giá mức độ hài lòng của nông dân về các chỉ tiêu thành phần

Theo thống kê thực tế cho thấy phần lớn nông dân khi tham gia HTX chủ yếu do người thân hoặc được chính quyền địa phương giới thiệu, việc HTX tự quảng bá, tiếp thị, mời tham gia hoặc do tự nông dân tìm hiểu rất ít. Do đó, thực tế này cũng phần nào phản ánh kết quả các chỉ tiêu đánh giá về mức độ hài lòng của nông hộ. Kết quả nghiên cứu về mức độ hài lòng của nông hộ dựa trên các thành phần được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mức độ hài lòng của nông hộ

Biến	N	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Mức độ cảm nhận
Sự đảm bảo	107	0,789	1,6	5	3,96	Hài lòng
Sự cảm thông	107	0,838	1,25	5	3,94	Hài lòng
Sự đáp ứng	107	0,887	1	5	3,79	Hài lòng
Sự tin cậy	107	0,812	1,33	5	4,08	Hài lòng
Hiệu quả do tính quy mô	107	0,799	1,67	5	3,97	Hài lòng
Hoạt động của ban quản lý	107	0,880	1	5	3,90	Hài lòng
Cơ hội cải thiện thu nhập và việc làm	107	0,837	2	5	3,94	Hài lòng
Sự hỗ trợ của nhà nước đối với HTX	107	0,856	1,5	5	3,77	Hài lòng
Quy trình thủ tục	107	0,849	1,33	5	3,90	Hài lòng
Lợi ích nông dân nhận được khi tham gia HTX	107	0,779	1,89	5	4,10	Hài lòng
Mức độ hài lòng chung	107	0,738	2	5	4,29	Rất hài lòng

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra trực tiếp, 2020

Nhìn chung, đa phần nông dân rất hài lòng khi tham gia HTX với giá trị trung bình bằng 4,29/5. Kết quả đánh giá cho thấy nông dân quan tâm và hài lòng nhiều nhất đến lợi ích nhận được của nông dân khi tham gia HTX (giá trị trung bình về sự hài lòng đạt cao nhất 4,10). Bên cạnh đó, phần lớn nông dân cho rằng sự hỗ trợ của Nhà nước đối với HTX không mang lại sự hài lòng cao cho họ. Do đó, giá trị trung bình chỉ đạt 3,77 điểm và đây là giá trị trung bình thấp nhất về sự hài lòng được nông dân đánh giá. Điều này phù hợp với thực tế cho thấy hạn chế trong công tác quản lý, trình độ và khả năng mở rộng của

HTX ở hiện tại. Do đó, các cơ quan có liên quan cần có những biện pháp thích hợp để giải quyết vấn đề này, đặc biệt là mở rộng hoạt động của HTX trong thời gian tới.

4.2. Phân tích nhân tố quyết định sự hài lòng của nông dân khi tham gia HTX

Kết quả nghiên cứu kiểm định tính thích hợp của KMO và Bartlett's Test của bộ số liệu với hệ số tải nhân tố Factor Loadings đều lớn hơn 0,5. Kết quả chỉ ra rằng với hệ số KMO = 0,685 (yêu cầu $0,5 < KMO < 1$) với mức ý nghĩa P-value (Sig.) = $0,000 < 0,05$ cho thấy các biến quan sát có tương

quan tuyến tính với nhân tố đại diện nên đáp ứng được điều kiện phân tích nhân tố. Tổng phương sai trích là 67,47% > 50% cho thấy các nhân tố này giải thích 67,47% biến thiên của biến quan sát. Bảng 3

cho thấy các biến đặc trưng đều có hệ số tải yếu tố lớn hơn 0,5. Có 8 nhân tố đại diện cho mức độ hài lòng của nông dân đối với HTX lúa.

Bảng 3. Tổng hợp phân nhóm nhân tố và đặt tên lại cho các biến thể hiện đặc trưng cho nhóm nhân tố

Thang đo	Nhóm nhân tố	Đặt lại tên theo nhóm nhân tố
YT ₁	LI7, DB2, DB3, TT2	Sự đảm bảo
YT ₂	CS1, CS2, CS3	Chính sách hỗ trợ nhà nước
YT ₃	HQ1, HQ2, HQ3, TC6	Hiệu quả do tính quy mô HTX
YT ₄	QL4, QL5, LI2	Hoạt động của ban quản lý HTX
YT ₅	QL1, QL2	Trách nhiệm và trình độ của ban quản lý
YT ₆	TN3, TN4	Cải thiện thu nhập và việc làm
YT ₇	CT3, CT4	Cảm thông và quan tâm
YT ₈	TN1, DB4, DB5	Hỗ trợ kỹ thuật hiệu quả

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra trực tiếp, 2020

Ma trận nhân tố xoay (Rotated Component Matrix) cho biết các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5, do đó, có 8 nhóm nhân tố với các biến đặc trưng được sắp xếp lại. Sau đó, nội dung bản câu hỏi trong từng nhóm biến được dùng làm căn cứ và tiến hành đặt tên lại cho các nhóm biến nhân tố này. Tóm lại, qua kiểm định sự phù hợp và mức ý nghĩa của thang đo dựa vào các kiểm định của mô hình EFA, có 8 nhóm nhân tố đại diện cho các biến chịu ảnh hưởng và 1 thang đo đại diện cho sự hài lòng của nông dân được tổng hợp ở Bảng 3.

4.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của nông dân đối với HTX tại tỉnh Hậu Giang

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của nông hộ trồng lúa khi tham gia HTX tại

tỉnh Hậu Giang, mô hình hồi quy bội ước lượng bằng phương pháp bình phương bé nhất (Ordinary Least Square – OLS) được sử dụng, mô hình có dạng như sau:

$$HL_i = \beta_0 \sum_{i=1}^8 \beta_i Y_{T_i} + \varepsilon$$

Với HL_i là biến phụ thuộc (bình quân gia quyền mức độ hài lòng chung của nông hộ được xác định bằng thang đo Likert). Các biến độc lập Y_{T_i} là các biến đại diện được tạo ra sau khi phân tích EFA được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy bội các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng

Tên biến	Hệ số	Sai số chuẩn	Mức ý nghĩa (Sig.)	Hệ số (VIF)
YT ₁ : Sự đảm bảo	0,347	0,083	0,000	1,43
YT ₂ : Chính sách hỗ trợ nhà nước	-0,047	0,050	0,350	1,28
YT ₃ : Hiệu quả do tính quy mô HTX	0,258	0,084	0,003	1,40
YT ₄ : Hoạt động của ban quản lý HTX	0,065	0,078	0,405	1,34
YT ₅ : Trách nhiệm và trình độ của ban quản lý	0,127	0,057	0,030	1,26
YT ₆ : Cải thiện thu nhập và việc làm	0,092	0,050	0,071	1,24
YT ₇ : Tin cậy và cảm thông	0,021	0,058	0,720	1,37
YT ₈ : Hỗ trợ kỹ thuật hiệu quả	0,061	0,086	0,477	1,98
Hằng số	0,607	0,455	0,185	
Mức ý nghĩa của mô hình			0,000	
Hệ số R ²			0,546	

Nguồn: Kết quả xử lý khảo sát, 2020

Kết quả mô hình hồi quy cho thấy 54,6% sự biến thiên của biến HL được giải thích bởi các biến độc lập đưa vào mô hình. Kiểm định F với hệ số sig. = 0,000 nên mô hình được chấp nhận. Mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến với các hệ số phóng đại

phương sai nhỏ hơn 2 (điều kiện VIF<5). Kết quả mô hình phân tích cho thấy có 4 nhân tố có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng đến hài lòng của người dân gồm YT₁ (Sự đảm bảo), YT₃ (Hiệu quả do quy mô), YT₅ (Trách nhiệm và trình độ ban quản lý), và YT₆ (Cải

thiện thu nhập và việc làm). Cả 4 nhân tố đều tác động cùng chiều tới mức độ hài lòng của nông hộ khi tham gia HTX. Do đó, kết quả nghiên cứu này phù hợp với phần lớn giả thuyết được nêu ra ở Hình 2. Kết quả phân tích mô hình cũng chỉ ra chưa đủ thông tin để bác bỏ giả thuyết H_0 cho rằng không có sự tác động hoạt động của Ban quản lý HTX, tin cậy và cảm thông và hỗ trợ kỹ thuật hiệu quả. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế khi khảo sát tại địa phương và tham khảo ý kiến chuyên gia cho rằng trình độ Ban quản lý, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ, và cả mức độ ảnh hưởng của Hợp tác xã hiện tại ở địa phương còn khá hạn chế. Điều này cũng phù hợp với kết quả cảm nhận của nông dân ở Bảng 2 về mức độ hài lòng đối với các chỉ tiêu liên quan đến Hợp tác xã là nhỏ hơn so với các tiêu chí khác đều trên 4,0 điểm đánh giá chung.

Trong 4 nhân tố tác động cùng chiều với mức độ hài lòng của nông dân khi tham gia HTX, biến YT_1 - Sự bảo đảm tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của nông dân. Nhân tố tác động thấp nhất đến mức độ hài lòng có giá trị bằng 0,092 là YT_6 cải thiện thu nhập và việc làm. Điều này có nghĩa là khi HTX lúa có những điều kiện đảm bảo nhiều hơn cho nông dân sẽ nâng cao mức độ hài lòng của nông dân. Kết quả phù hợp với dấu kỳ vọng trước đó và cũng là biến tác động mạnh nhất mức độ hài lòng của nông dân. Với hệ số là 0,258 có ý nghĩa ở mức 1% biến “ YT_3 : Hiệu quả do tính quy mô” tác động cùng chiều với mức độ hài lòng của nông hộ tham gia HTX, hay nói cách khác khi HTX có quy mô càng lớn thì mức độ hài lòng của nông dân càng cao. Đây là biến tác động nhiều thứ 2 đến mức độ hài lòng của nông hộ khi tham gia HTX và phù hợp với kỳ vọng của mô hình. Các nhân tố YT_5 trách nhiệm và trình độ của ban quản lý và YT_6 cải thiện thu nhập và việc làm có mối tương quan thuận với mức độ hài lòng. Kết quả này cũng tương đồng với các nghiên cứu trước cho rằng, khi thu nhập của nông dân được cải thiện cũng như cơ hội có được việc làm tăng lên thì mức độ hài lòng của nông dân sẽ tăng. Tuy nhiên, các chỉ tiêu đánh giá trong mô hình nghiên cứu của đề tài này chỉ giới hạn ở một số khía cạnh của nhân tố mà chưa thể hiện đầy đủ hết nội hàm (ví dụ như nhóm biến Sự đáp ứng, quy trình thủ tục hay hiệu quả do quy mô). Do đó, hướng nghiên cứu tiếp theo sẽ tập trung đo lường đầy đủ các khía cạnh khác của các nhóm nhân tố để có cơ sở đề xuất giải pháp hàm ý chính sách đầy đủ hơn.

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Nghiên cứu này tập trung phân tích mức độ hài lòng của nông hộ khi tham gia mô hình liên kết HTX

trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy người dân hài lòng khi tham gia liên kết trong HTX với điểm trung bình là 4,29/5 điểm. Kết quả phân tích nhân tố phẩm phá (EFA) đối với các biến ảnh hưởng đến sự hài lòng của nông dân HTX lúa cho thấy có 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng, bao gồm sự đảm bảo, hiệu quả do quy mô, trách nhiệm và trình độ ban quản lý, cải thiện thu nhập và việc làm. Những nhóm nhân tố này phản ánh đúng mức thực trạng hoạt động hiện nay của các HTX và sự tham gia của các nông dân. Điều này cho thấy mong muốn thật sự của người dân khi tham gia liên kết là luôn mong mỏi và tìm kiếm sự hỗ trợ thực sự cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ nông sản. Ngoài ra, trong thời gian tới, các cơ quan ban ngành có liên quan cần cần tiên học tập của HTX một cách có hiệu quả. Trước tiên là nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý HTX, những người phải thật sự có trình độ, có tâm huyết với hoạt động của HTX. Cuối cùng, một điểm đáng lưu ý là hai nhóm nhân tố ‘hỗ trợ của Nhà nước’ và ‘tin cậy, cảm thông’ không có ý nghĩa. Mặc dù đây là hai nhóm nhân tố cũng quan trọng, tuy nhiên, số liệu trong nghiên cứu chưa đủ thông tin để đưa ra kết luận.

– Dựa trên kết quả nghiên cứu này, các cơ quan ban ngành có liên quan cần thực hiện các biện pháp hỗ trợ thiết thực và gần gũi hơn để đẩy mạnh hoạt động liên kết sản xuất và tiêu thụ với vai trò của HTX làm chủ đạo chứ không chỉ dừng lại ở các hoạt động tuyên truyền trong ngắn hạn. Từ đó, các hoạt động này cũng giúp gia tăng niềm tin nơi người dân khi tham gia liên kết. Cụ thể, phát triển kinh tế tập thể phải xuất phát từ nhu cầu của người dân, tổ chức tham gia, phải tôn trọng giá trị, nguyên tắc hoạt động của các tổ chức HTX phù hợp với điều kiện, đặc điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của cả nước. Đặc biệt đề cao nguyên tắc “tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi” trong hoạt động HTX mà Bác Hồ đã chỉ dạy. HTX phát triển theo hướng dài hạn, lợi ích chia sẻ bền vững giữa các thành viên HTX (người lao động – khách hàng – người tiêu dùng – đối tác) và đổi mới sáng tạo trên nền tảng tổ chức quản trị hiện đại theo cơ chế thị trường. Trong thời gian tới, dựa vào kết quả phân tích của đề tài này, các nhà làm chính sách cần thực hiện các biện pháp nhằm hỗ trợ đối với tác nhân trực tiếp gồm HTX và nông dân. Cụ thể:

– Đối với HTX cần: (i) Mở rộng quy mô hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thành viên bằng cách cung ứng nhiều dịch vụ đầu vào như: tưới tiêu, làm đất, thu hoạch, bảo quản và chế biến, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất (YT_6 cải thiện thu nhập và việc làm); (ii) Mọi hoạt động báo cáo thu

chi phải minh bạch và thường xuyên trong toàn bộ HTX; (iii) Ban quản lý HTX phải liên tục nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng và kiến thức; (iv) Kết nối với thị trường, sản xuất theo nhu cầu của thị trường từ đó áp dụng các chiến lược phù hợp để phát triển, hướng dẫn nhật ký sản xuất đến thành viên HTX; (v) Quan tâm đến nhu cầu của nông dân trong HTX, gần gũi, thân thiện và thông cảm với những khó khăn của nông dân; (vi) Đơn giản hóa các thủ tục, hợp đồng thu mua nông sản. Tránh trường hợp nông dân e ngại khi phải ký kết các hợp đồng phức tạp.

Đối với nông dân cần: (i) tích cực tham gia vào các hoạt động thường xuyên của HTX, hỗ trợ và cùng nhau học hỏi kinh nghiệm trong quá trình sản xuất; (ii) Mạnh dạn từ bỏ thói quen, tập quán sản xuất nhỏ lẻ, tự phát, tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật của HTX và áp dụng đúng những biện pháp kỹ thuật đã học vào quá trình sản xuất để làm tăng năng suất cũng như chất lượng nông sản (iii) Chủ động tìm hiểu các chính sách hỗ trợ Nhà nước đối với HTX từ đó có thêm nhiều hiểu biết về những lợi ích khi tham gia HTX nhiều hơn là tự sản xuất cá nhân và nhận thấy việc tham gia HTX là đúng đắn, làm tiền đề hình thành liên kết ngang trong chuỗi nông sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chi cục Phát triển Nông thôn tỉnh Hậu Giang. (2021). *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW*. Sở Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang.

Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang. (2019). *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh Hậu Giang tháng 11, ước tháng 12 và năm 2019*. <https://cucthongke.haugiang.gov.vn/t%C3%ACnh-h%C3%ACnh-kinh-t%E1%BA%BF-x%C3%A3-h%E1%BB%99i/n%C4%83m-2019/th%C3%A1ng-12/>

Cronin Jr. J., & Taylor, S. A. (1992). Measuring service quality: a reexamination and extension. *Journal of Marketing*, 56(3), 55-68. <https://doi.org/10.1177/002224299205600304>

Đỗ Minh Hoàng & Trần Hoài Nam. (2018). Đánh giá mức độ hài lòng của nông hộ đối với chất lượng dịch vụ chương trình khuyến nông tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Văn Hiến*, 6(3), 103-110.

Kotler, P. (2000). *Marketing Management* (10th ed.). New Jersey, Prentice-Hall.

Oliver, R.L. (1980) A cognitive model of the antecedents and consequences of satisfaction decisions. *Journal of Marketing Research*, 17(4), 460-469. <https://doi.org/10.1177/002224378001700405>

Quốc Hội Việt Nam. (2012). *Luật hợp tác xã (Số 23/2012/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2012)*. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=164954

Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền, Hoàng Thị Hồng Lộc & Trần Lâm Hoàng Yến. (2011). Đánh giá mức độ hài lòng của nông hộ đối với phương pháp tập huấn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa ở tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 17(B), 97-105.

Nguyễn Quốc Nghi. (2014). Các yếu tố ảnh hưởng mức độ hài lòng của nông hộ đối với các chi nhánh ngân hàng cấp huyện ở huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 30(D), 66-72.

Dương Ngọc Thành, Nguyễn Công Toàn & Hà Thị Thu Hà. (2018). Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(4D), 212-219.